TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HN-PT
Ngày 16 tháng 01 năm 2024
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng;

Bà Phạm Thị Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*".

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 550/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2023/QĐXXPT-HN ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, khóm N, phường N, thị xã T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Âu Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Phước H1, Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A, có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Âu Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh H thông qua mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang ngày 31/7/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, đến tháng 10/2022, khi vợ chồng về dự đám giỗ bên nhà chồng thì chị N phát hiện anh H đã từng có 01 người vợ trước, vậy mà khi cưới thì anh H nói mình còn độc thân, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Âu Đặng Phước T, sinh ngày 15/5/2021, đang chung sống với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Âu Đặng Phước T, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 25/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Âu Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất vợ chồng tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang ngày 31/7/2020. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, do chị N không hiểu sự việc và nghe lời người khác nói anh H đã có vợ, anh H xác định thực tế không có vợ như người khác đã nói. Anh H đã có nói chuyện với chị N về việc này nhưng N vẫn nghi ngờ, từ đó vợ chồng thường cãi vả nhau. Anh H và chị N đều là người ít nói, anh H đi làm từ sáng đến tối mới về, nhưng khi về nhà thì chị N cằn nhằn, anh H buồn không muốn giải thích, đời sống chung vợ chồng không còn hòa hợp. Khoảng tháng 10/2022, chị N tự soạn quần áo, đồ đạc của anh H rồi đuổi anh H về cha mẹ ruột của anh H sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Khi anh H vào thăm con thì gia đình chị N gây khó khăn, từ đó hai bên sui gia cũng không hòa thuận. Anh H muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn với nhau nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn nên anh H đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh H và chị N có 01 con chung tên Âu Đặng Phước T, sinh ngày 15/5/2021, đang chung sống với chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân sơ thẩm số 520/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đặng Thị N ly hôn với anh Âu Văn H.

2. Về con chung:

- Chị Đặng Thị N và anh Âu Văn H có 01 (Một) con chung tên Âu Đặng Phước T, sinh ngày 15/5/2021, đang chung sống với chị N. Chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Âu Đặng Phước T.

- Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2023, bị đơn anh Âu Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn do vợ chồng không có mâu thuẫn, nếu chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì giao con chung Âu Đặng Phước T cho anh H nuôi dạy.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn Đặng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của anh H.

Bị đơn Âu Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, trường hợp chị N cương quyết ly hôn anh H đồng ý ly hôn, đối với việc nuôi con chung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, thực tế giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên

tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Âu Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định và được miễn tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 31/7/2020 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn do chị N cho rằng anh H đã có vợ trước khi kết hôn với chị N, từ đó vợ chồng thường cự cãi, bất đồng quan điểm sống, anh H không quan tâm vợ con rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay.

Về phía anh H thì cho rằng do chị N nghe lời người khác nói anh đã có vợ nhưng thực tế không có, anh nhiều lần nói chuyện với chị N nhưng chị N vẫn nghi ngờ, từ đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vả nhau. Chị N tự soạn đồ đạc đuổi anh về nhà cha mẹ nên từ đó vợ chồng không còn chung sống.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H thật sự không còn, vợ chồng không chung sống thời gian dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại cấp sơ thẩm, anh H cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N nhưng do chị N cương quyết ly hôn nên anh đồng ý. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh H kháng cáo cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, ngoài ra trong đơn kháng cáo anh H còn có ý kiến nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh yêu cầu được nuôi con cho thấy anh H thật sự không muốn hàn gắn tình cảm với chị N. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H đồng ý lý hôn với chị N. Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh H yêu cầu chấp nhận kháng cáo của anh H về quan hệ hôn nhân là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Âu Đặng Phước T, sinh ngày 15/5/2021, đang chung sống với chị N. Cả chị N và anh H đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay thì chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cháu T hiện vẫn còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và chị N đảm bảo điều kiện và khả năng nuôi con nên đã quyết định giao cháu Phước T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị N không đủ khả năng, điều kiện nuôi con chung. Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh H yêu cầu chấp nhận kháng cáo của anh H về việc nuôi con chung là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Âu Văn H;

Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số số 520/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Âu Văn H.

2. Về con chung:

- Chị Đặng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Âu Đặng Phước T, sinh ngày 15/5/2021, đang chung sống với chị N.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm

dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005405 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: anh Âu Văn H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0015315 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Anh H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm